

# CHÍNH SÁCH DINH DIỄN CỦA CHÍNH QUYỀN NGÔ ĐÌNH DIỆM Ở MIỀN NAM VIỆT NAM (1957-1963)

TRẦN THỊ HÀ\*

Năm quyền thống trị ở miền Nam Việt Nam, Mỹ và Ngô Đình Diệm nhận thức được rằng, cộng sản thắng là nhờ có nông dân ủng hộ; để giành được thắng lợi trong công cuộc thắng Cộng ở miền Nam Việt Nam, vấn đề đặt ra là phải lôi kéo cho kỳ được nông dân, phải “*tranh thủ, chinh phục trái tim, khối óc người nông dân*”. Ngay những ngày đầu lên cầm quyền miền Nam, Ngô Đình Diệm đặc biệt chú trọng các chính sách đối với nông dân, nhiều lần “*hô khẩu hiệu*”: “*anh em lao động*”, “*giải phóng nông dân*”, “*hữu sản hóa nông dân*”,... Chúng đã nhận định: “*để thắng địch, điều kiện tiên quyết là phải tranh thủ lại nhân dân trong tay Việt Cộng, làm thế nào tách rời Cộng phỉ ra khỏi quảng đại quần chúng, khép chặt nhân dân làm một lực lượng hỗ trợ cho ta... Chỉ có sự hỗ trợ tương đương ấy mới mong tiêu diệt được địch một cách tận gốc và lâu dài*” (1). Trả lời báo chí tại Lễ khánh thành trường Quốc gia Nông lâm ở Blao (3-1-1956), Ngô Đình Diệm đã nói: “*Tự do ngày nay sẽ mất hết ý nghĩa nếu không đi đôi cùng một cuộc giải phóng kinh tế, nhất là giải phóng nông dân, thành phần cơ bản của dân tộc. Chính sách nông nghiệp của Chánh Phủ nhằm mục đích nâng cao mức sống nông dân, giải thoát nông dân khỏi*

*cảnh vô sản, nghèo nàn và cải thiện sinh hoạt thôn quê*” (2). Những luận điệu này của Ngô Đình Diệm được tay chân tuyên truyền phổ biến rộng rãi để tranh thủ cảm tình của nông dân.

Thực hiện ý đồ trên, chính quyền Ngô Đình Diệm đã cho ra đời nhiều chính sách mị dân đối với nông dân ở miền Nam Việt Nam, trong đó có chính sách dinh diễn.

Năm 1956, trước khi tiến hành dinh diễn, chính quyền Ngô Đình Diệm lập “*Ủy ban Nghiên cứu vấn đề khai thác vùng Cao Nguyên và các vùng Đồng lầy ở miền Nam Việt Nam*” (3), do Trịnh Văn Hi, Đồng lý Văn phòng Bộ Điền thổ và Cải cách điền địa đứng đầu. Ủy ban này có nhiệm vụ tìm kiếm, khảo sát các địa điểm để thực hiện dinh diễn, dựa theo những tiêu chuẩn do chính Ngô Đình Diệm đề ra: “*Theo Tổng thống nên chọn những nơi có chút ít điều kiện phát triển... chọn nơi thấp có sẵn nước ăn, tắm, giặt, tưới cây và có đủ điều kiện về đất đai (đất tốt, có khoảng rộng để định cư từ 1000 người trở lên)... Người Mỹ tán thành dinh diễn ở nơi dễ, chắc ăn không sợ lỗ...*” (4).

Kết quả khảo sát ban đầu của ủy ban: Tây Nguyên có 4 địa điểm (5) và có nhiều triển vọng bởi “*có tới 1.425.000 mẫu đất để trồng trọt... đất rộng phì nhiêu, có suối dài, có thể quy tụ 2 hoặc 3 ngàn người trở lên...*

\* Trường THPT chuyên Nguyễn Du, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Vùng Cao Nguyên xét có đủ khả năng đón nhận đồng bào di dân và phát triển, rất thích hợp cho việc dinh điền..." (6), còn vùng đồng lầy "kết quả không đáng dãi dào lắm" (7). Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm tiến hành dinh điền khắp miền Nam nhưng xác định, trọng tâm quốc sách dinh điền là Tây Nguyên. Bởi, Tây Nguyên ngoài những tiềm năng kinh tế còn có ý nghĩa mang tính chiến lược hết sức quan trọng về chính trị và quân sự; không chỉ đối với Việt Nam mà cả Đông Dương và Đông Nam Á. Chính quyền Sài Gòn đã nhận định: "Muốn chiến thắng ở Nam Việt Nam thì phải kiểm soát bằng được vùng Cao nguyên Trung phần có tính chất chiến lược này" (8). Vì vậy, Tổng tham mưu trưởng Mỹ Raffor đã tuyên bố, Tây Nguyên có thể trở thành địa bàn cơ động quan trọng, một khu vực tập trung quân đội, lấy Pleiku làm trung tâm, còn "Chính quyền Ngô Đình Diệm có kế hoạch đưa tới một phần mười toàn bộ số dân miền Nam lên Tây Nguyên, nghĩa là độ hơn một triệu, để tạo một nguồn lực tại chỗ rất cần thiết cho chiến tranh và chuẩn bị chiến tranh" (9).

Trên cơ sở kết quả khảo sát đó, ngày 23-4-1957, Ngô Đình Diệm ra Sắc lệnh số 103-TTP, thành lập "Phủ Tổng ủy dinh điền", tổ chức như một bộ, trực thuộc Phủ Tổng thống, dưới quyền kiểm soát và điều hành của Phó Tổng thống (10). Bùi Văn Lương làm Tổng ủy trưởng (11), điều hành Phủ Tổng ủy dinh điền, phụ tá tướng Lê Văn Kim, cố vấn Mỹ chỉ đạo trực tiếp là Leland Barrows (ngày 9-5-1957, Barrows tuyên bố, Mỹ dành 10 triệu Đôla cho dinh điền) (12).

Về tổ chức dinh điền, chính quyền Ngô Đình Diệm triển khai một hệ thống chặt chẽ từ trung ương xuống các địa điểm dinh điền ở địa phương:

Theo Nghị định số 691-TTP/VP, ngày 23-4-1957, của Tổng thống Ngô Đình Diệm, Phủ Tổng ủy dinh điền có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động dinh điền trên toàn miền Nam thông qua các cơ quan: Văn phòng; Nha, Sở nội thuộc như: Nha Hành chính, Nha Tài chính, Nha Di dân và Định cư, Nha Kỹ thuật, Nha Nông cơ; và Vùng dinh điền (13). Những hoạt động của Phủ Tổng ủy dinh điền được "Nha Thanh tra Hành chính, Tài chính và Kỹ thuật" theo dõi và báo cáo lên phó Tổng thống (14).

Tiếp theo, Nghị định số 1502 và 1503-TTP/VP ngày 25-9-1957, Chính quyền Sài Gòn thiết lập và triển khai hoạt động ở miền Nam Việt Nam trên thực tế 4 vùng dinh điền:

- Vùng dinh điền Cao nguyên Trung Phần (15) gồm các tỉnh Kon Tum, Pleiku và Đăk Lăk.

- Vùng dinh điền Đồng Tháp Mười gồm các tỉnh Kiến Tường và Kiến Phong.

- Vùng dinh điền An Xuyên - Ba Xuyên gồm các tỉnh An Xuyên và Ba Xuyên.

- Vùng dinh điền Cái Sắn gồm các tỉnh Kiên Giang và An Giang.

Theo Nghị định số 967-PT/VP/NĐ, ngày 4-10-1957, vùng dinh điền được tổ chức như sau: đứng đầu mỗi vùng dinh điền là một Quản đốc, giúp việc có một phó Quản Đốc. Quản đốc, phó Quản đốc vùng dinh điền chỉ đạo trực tiếp các Trưởng khu dinh điền và điều hành hoạt động các dinh điền trong vùng qua Phòng Hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Chuyên vận cùng các cơ quan chuyên môn thuộc các Bộ khác... Trưởng khu dinh điền chỉ đạo trực tiếp các địa điểm trưởng, người đứng đầu các địa điểm dinh điền.

Về tổ chức hành chính địa điểm dinh điền, ngoài địa điểm trưởng đứng đầu phụ

trách chung, còn có các cơ quan hành chính, an ninh, quân sự và hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh, các đoàn thể chính trị phản động như: Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ liên đới, Phong trào cách mạng quốc gia, Đảng cần lao nhân vị... Đặc biệt, dinh điền nào cũng có nhà thờ Thiên Chúa giáo, làm “*phương tiện*” tuyên truyền cho chúng (16). Trong địa điểm dinh điền chia thành các ấp, các liên gia khoảng 5 đến 7 gia đình. Liên gia trưởng, người đứng đầu các liên gia, phải chịu trách nhiệm điều động và kiểm soát những gia đình trong liên gia của mình. Những phần tử chống đối hay bị tình nghi có liên quan đến cộng sản đều bị theo dõi, bị bắt giam, tra tấn và thậm chí trục xuất ra khỏi liên gia. Sau khi ổn định được tổ chức, mà theo cách nói của chúng, là “*an ninh đã văn hồi*”, các dinh điền được “*địa phương hóa*”, tức trở thành một đơn vị hành chính cơ sở của địa phương.

Trong thời gian làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (1954-1963), Ngô Đình Diệm đã rất “*tâm huyết*” trong việc thực hiện chính sách dinh điền. Tại buổi diễn thuyết “*Về công cuộc dinh điền tại Việt Nam*”, ngày 26-9-1958, ở rạp Thống Nhất Sài Gòn, Tổng ủy dinh điền Bùi Văn Lương đã nói: “*Công cuộc dinh điền chính Tổng thống chủ trương nên Người đích thân chỉ đạo... chính Ngô Tổng thống là cha đẻ ra dinh điền, chính Người đã có chủ trương đó và đích thân hoạch định kế hoạch chính sách dinh điền...*” (17). Chính sách dinh điền sau đó được nâng lên thành “*Quốc sách*” của chính quyền Ngô Đình Diệm.

Cùng sự hỗ trợ của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đẩy mạnh chính sách dinh điền trên toàn miền Nam. Theo báo cáo của *Phủ Tổng ủy dinh điền*, đến ngày

7-7-1959, toàn miền Nam lập được 84 địa điểm dinh điền, khai phá được 48.336 ha với dân số là 125.082 người (18). Còn trong báo cáo của *Phủ Tổng ủy dinh điền và Nông vụ*, ngày 27-2-1963, chính quyền Sài Gòn đã lập được ở miền Nam Việt Nam: 18 khu dinh điền, trên 22 tỉnh với 208 địa điểm dinh điền (địa phương hóa được 62 địa điểm dinh điền) (19).

Thực hiện chính sách dinh điền, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm mục đích:

*Về chính trị*, dinh điền là để “*gỡ*” bớt dân số ở nông thôn, các tỉnh, thị trấn đông đúc, những gia đình mà chính quyền Ngô Đình Diệm cho là đối lập với chúng, phân tán họ nhiều địa điểm dinh điền khác nhau, xen họ vào các gia đình Thiên Chúa giáo, tiện việc kiểm soát. Đồng thời, dinh điền còn là biện pháp xáo trộn các cơ sở cách mạng ở địa phương, làm cho phong trào đấu tranh của nhân dân tan rã. Ngoài ra, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm còn dùng lực lượng dân di cư miền Bắc để kìm kẹp, kiểm soát bộ phận chúng tình nghi là cộng sản bị bắt đưa từ đồng bằng lên (nhất là vùng tự do cũ của Liên khu V và căn cứ cách mạng cũ ở Nam Bộ). Cho nên, việc lập cơ sở dinh điền ở Tây Nguyên, U Minh, Đồng Tháp Mười, vùng Dương Minh Châu, ở vùng chiến khu D, đều nhằm trực tiếp đánh vào các cơ sở cũ của kháng chiến, để “*cấy*” vào nơi ấy những người mà Ngô Đình Diệm tin tưởng trung thành với chế độ. Vì vậy, tờ *Cách mạng quốc gia* (25-4-1958) viết: “*... đồng bào di dân tình nguyện tham gia kế hoạch dinh điền, rất xứng đáng là chiến sĩ tiên phong trong mặt trận chống cộng*” (20).

*Về quân sự*, quốc sách dinh điền của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm nhằm biến miền Nam thành căn cứ quân sự của Mỹ. Tay chân Ngô Đình Diệm ra sức đào tạo

huấn luyện, trang bị vũ khí cho các dinh điền. Trung tâm Doãn Võ (Phước Long) là nơi chúng đào tạo cán bộ dinh điền, huấn luyện các lực lượng quân sự, an ninh cho dinh điền. Báo cáo của trung tá Nguyễn Cao, ngày 11-12-1961 cho biết, Trung tâm huấn luyện Doãn Võ đã đào tạo được: "284 Tiểu đội trưởng; 1.158 cán bộ dinh điền; lớp Trung đội trưởng 40 học viên đang xúc tiến" (21). Sau đó, để tăng cường đào tạo tay sai, chúng còn mở thêm Trung tâm Doãn Võ II (Phước Long), Trung tâm EA-NAO (Đắk Lắk)... Lực lượng này chúng sử dụng vào các mục đích quân sự, chính trị.

Hệ thống an ninh được tổ chức chặt chẽ từ cấp trung ương đến vùng, khu và địa điểm dinh điền. Theo kết luận trong Biên bản phiên họp ngày 3-11-1958 tại Bộ Nội vụ, chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức hệ thống an ninh ở các địa điểm dinh điền như sau:

- "Thành lập Ban an ninh gồm có: địa điểm trưởng, làm Chủ tịch hay Trưởng ban; đại diện Bảo an; đại diện Công an, đại diện dân vệ và đại diện Hội đồng quản trị địa điểm. Ban an ninh có nhiệm vụ duy trì an ninh tại địa điểm, áp dụng ngăn ngừa mọi biến cố. Ngoài ra, nhân viên Ban này cần luôn luôn trao đổi tin tức thu lượm được để so sánh khai thác gấp và nếu cần thông báo cho cả các địa điểm lân cận cùng Khu, Vùng, Tỉnh, Phủ Tổng ủy.

- Công an viên biệt phái phục vụ tại địa điểm sẽ là Trưởng ban Trật tự của địa điểm và đặt trong hệ thống chỉ huy của địa điểm trưởng.

- Để cho việc bảo vệ trật tự an ninh các địa điểm được chu đáo tại mỗi địa điểm, đều có tổ chức Dân vệ dưới 2 hình thức: Dân vệ chìm và Dân vệ nổi..." (22).

Để tăng cường an ninh và với các âm mưu quân sự khác, cuối năm 1961 Phủ Tổng ủy dinh điền đề ra kế hoạch kiện toàn

tổ chức an ninh địa điểm dinh điền theo hướng, tuyển chọn, đào tạo, vũ trang cho thanh niên ở các dinh điền: "đề nghị Tổng thống kiện toàn tổ chức lực lượng Thanh niên bảo vệ hương thôn các địa điểm dinh điền... Thiêm phủ sẽ cử 1 ủy ban đến các địa điểm để cử xét tại chỗ về khả năng quân sự cũng như nhận định tinh thần thanh niên bảo vệ hương thôn và cho bổ túc nếu cần trước khi cấp vũ khí... sẽ xúc tiến thành lập đại đội thanh niên bảo vệ hương thôn cho địa điểm hoặc liên địa điểm... Khi đại đội Thanh niên bảo vệ hương thôn có đủ khả năng, Đại đội bảo an dinh điền sẽ rời rộng vòng đai hoạt động thêm nữa và xin đề nghị lập Khu chiến đấu dinh điền. Chỉ huy trưởng các Khu chiến đấu dinh điền là Đại đội trưởng Bảo an dinh điền... Có sự yểm trợ của quân đội và lực lượng chính quy" (23).

Lực lượng trong các dinh điền gồm: đại đội "bảo an", "dân vệ", "thanh niên bảo vệ hương thôn", "thanh niên cộng hòa". Chúng biến các dinh điền thành những căn cứ bao vây "Việt Cộng", đồng thời là nguồn bổ sung binh lính cho quân Cộng hòa và quân địa phương, làm chỗ dựa cho các cuộc hành quân càn quét. Tài liệu của Phủ Tổng ủy dinh điền ghi: "Lập khu dinh điền là biện pháp xẻ đường đưa dân vào chiến khu của Việt Cộng, dùng dân đẩy Việt cộng ra khỏi các vùng đó. Dinh điền là nơi cung cấp tin tình báo xuất phát hành quân, rào chặn xâm nhập của địch" (24). Theo báo chí chính quyền Sài Gòn, lập các địa điểm dinh điền là "Những cứ điểm bao vây Việt Cộng, không cho cộng sản một mảnh đất hoang vu nào để hoạt động".

Dưới danh nghĩa "phát triển cộng đồng", Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm bắt người đi dinh điền làm đường sá, xây cầu cống, xây công trình quân sự đủ kiểu. "Báo

*Thời cuộc (1-1958) tính rằng dùng nhân công dinh điền xây dựng đồn bảo an và 34 ki-lô-mét đường, chỉ tốn 1 triệu đồng, trong khi đó công chính làm 30 ki-lô-mét đường phải chi phí đến 700 triệu” (25).*

Về kinh tế, khi mới tiến hành chính sách dinh điền (4-1957), mục đích kinh tế không được Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đặt ra cấp thiết như chính trị, quân sự, nhưng với bản chất của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ, vấn đề kinh tế ngày càng được quan tâm. Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên truyền, dinh điền là để “*Giúp đồng bào địa phương, cải tiến sinh hoạt của đồng bào Thượng, sau là đồng bào di cư, phát triển cộng đồng, cải tiến dân sinh, cho dân cây có ruộng đất, tăng gia sản xuất...*” (26). Thực ra, tiến hành dinh điền chúng nhằm bóc lột sức lao động của nông dân và khai thác tài nguyên phong phú của miền Nam, đặc biệt là vùng đất đỏ bazan ở Tây Nguyên. Chính quyền Ngô Đình Diệm trồng một số cây công nghiệp, đáp ứng nhu cầu thị trường Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ như cao su, keenaf, đay gai, thuốc lá,... cây lương thực và một số cây khác có giá trị cao như cà phê, hoa quả đặc sản. Cuối năm 1958, Công ty Nông Nghiệp Mỹ đã “*Nắm 8 địa điểm dinh điền ở vùng Buôn Ma Thuột*” (27), trực tiếp nắm quyền quản lý và điều hành trồng cây cao su vùng đất đỏ này.

Như vậy, dinh điền là một hình thức tập trung dân; khu dinh điền là hệ thống quân sự trá hình; các địa điểm dinh điền là cơ sở bóc lột kinh tế, bóc lột nhân công của chủ nghĩa thực dân mới Mỹ. Dinh điền là biện pháp trực tiếp phục vụ cho chương trình “*binh định*” nông thôn của Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm ở miền Nam Việt Nam.

Triển khai chính sách dinh điền, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thi hành những biện pháp vừa mua chuộc mị dân bịp bợm,

vừa trắng trợn dùng bạo lực cưỡng bức, dồn ép quần chúng vào các khu dinh điền. Một mặt, chúng mở lớp đào tạo hàng trăm cán bộ phụ trách các địa điểm dinh điền, xây dựng thí điểm các dinh điền rút kinh nghiệm. Mặt khác, “*Chính quyền Diệm dùng đủ cách để mộ phu. Cách mộ phu của Diệm phong phú, tàn nhẫn gấp mấy chục lần cách mộ phu của bọn Ba-zanh ngày trước*” (28).

Chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức học tập tài liệu dinh điền, với những luận điệu tuyên truyền lừa gạt rằng, dinh điền là biện pháp nhằm “*tăng vốn và lợi ích quốc gia đồng thời tư hữu hóa nông dân vô sản*”, “*cải tiến kỹ thuật canh tác*”, “*điều hòa dân cư*”, “*chỉnh trang lãnh thổ*”, “*cải thiện dân sinh*”,...” Chúng tổ chức chiếu phim về công cuộc dinh điền, dùng lực lượng tay sai, vốn là người đi dinh điền đã bị mua chuộc... để tuyên truyền về cuộc sống no đủ ở các dinh điền, lừa gạt nông dân. Chính quyền Ngô Đình Diệm còn đưa ra tiêu chuẩn, bắt đồng bào phải bình nghị coi ai rơi vào tiêu chuẩn đó. Có trường hợp bố trí “*binh nghị*” không được, chính quyền Ngô Đình Diệm chỉ định các gia đình buộc phải đi dinh điền. Chỉ định mà không chịu đi thì bị xem là “*Việt Cộng*”, “*thân Cộng*” hoặc tội tình nghi chính trị. Lúc đó nạn nhân “*đành nghiêng rặng, ngấm nước mắt mà đập nhà bán ruộng, bồng con tróng chó ra đi và trở thành tù nhân suốt đường đi cũng như vĩnh viễn tại nơi họ bị đưa đến*” (29), dưới sự kìm kẹp trực tiếp của những tên tay sai ác ôn. Còn những người nào bị tình nghi thật sự thì tề xã cứ bắt đi, bắt cả gia đình chúng ghét, những gia đình không chịu dứt lốt. Có nơi, chính quyền Ngô Đình Diệm tổ chức “*tố Cộng*” để “*lọc*” người đi dinh điền.

Đối với đồng bào Thiên Chúa giáo, chính quyền Ngô Đình Diệm đưa những linh mục

“*ăn cánh*” với chúng đến dụ dỗ, còn linh mục nào chống việc lừa con chiên di cư đi dinh điền thì chính quyền cho đưa ra tòa, vu đủ thứ tội. Ở thành phố, đặc biệt là Sài Gòn, tay chân Ngô Đình Diệm đi đốt các xóm nhà lá, nhà gỗ của dân nghèo. Khi người dân bị đẩy vào bước đường cùng, chúng sẽ dụ dỗ hay buộc đi dinh điền: “*Mấy lần đốt nhà ở Phú Thọ lều, Xóm Mới Gò Vấp,... phần lớn do tay chân của Phủ Tổng ủy Di cư; mấy lần con chiên bắt được kẻ đốt nhà, nhưng rồi kẻ đốt nhà được nhà cầm quyền tổ chức đánh tháo, còn người bắt được kẻ đốt nhà bị trừng trị vì bắt người không có lý do và không có quyền hạn!*” (30).

Vậy là, để có đủ số dân đi dinh điền mà chính quyền Ngô Đình Diệm đã giao và lập công với Tổng thống, bọn quan chức các tỉnh đã không từ một thủ đoạn nào để bắt ép dân đi dinh điền. Tất cả những vụ quây ráp, bắt bớ, ép buộc đó được bao bọc bằng tuyên truyền rầm rộ của báo chí rằng, chính phủ sẽ cho trâu, Hoa Kỳ giúp máy cày, sẽ được cấp đất, cấp nhà, sẽ được cấp gạo ăn, nông cụ để sản xuất... “*Lên đến nơi dinh điền thì mới biết rõ công việc chẳng khác gì mấy so với việc của đồn điền của thực dân Pháp ngày trước. Đồng bào công lưng làm việc cho đến khi đất đai thành thuộc, có hoa lợi thì chính quyền tạm cấp một phần ruộng đất và buộc phải trả dân tiền tổn phí khai hoang trong vòng từ 3 đến 5 năm, hoặc phải ký kế ước tá điền loại C*” (31). Phần lớn đất đã thành thuộc thì gọi là cơ sở để “*phát triển cộng đồng*”, khai thác bằng cách “*liên canh trên đất đai công cộng*”. Kỳ thật, người dân phải làm tá điền và làm phu cho Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm, bán sản phẩm cho các “*hợp tác xã*”, tức là các công ty tư bản, nộp lương thực cho quân đội đóng trên hay đi qua vùng ấy. Như thế, miếng đất “*tạm cấp*” như

Báo *Marchés tropicaux* gọi là “*Những cảm giác sở hữu để có tác dụng kích thích, chứ thực tế nó chỉ là cái cọc đóng dưới đất cơ sở dinh điền, cột chân người bị bắt đi phu vào đồn điền của bè lũ Mỹ-Diệm*” (32).

Như vậy, các loại tài liệu vận động dân đi dinh điền đều được chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên truyền là “*Tập hợp những người tự nguyện xin đi làm dinh điền*” (33), điều này có vẻ như tự do dân chủ, công khai, nhưng trong thực tế hoàn toàn trái ngược, chúng “*Bình nghị, bắt đi di dân, một sự bình nghị... để khủng bố nạn nhân và dân chúng*” (34).

Tóm lại, dinh điền là một sự kiện nổi bật trong lịch sử miền Nam Việt Nam từ năm 1957 đến 1963. Lập nhiều địa điểm dinh điền không phải để “*cải thiện dân sinh*”, “*chỉnh trang lãnh thổ*”, hay “*tư sản hóa nông dân vô sản*” như chúng rêu rao, mà là để lập ra những trại tập trung kìm kẹp nông dân, bóc lột nhân công, chuẩn bị cho chiến tranh, chống lại cách mạng. Dinh điền là một biện pháp để chính quyền Sài Gòn thực hiện các âm mưu của mình. Chính vì vậy, “*Ngô Đình Diệm và các quan thầy lớn của quân đội, ngoại giao Mỹ, các tướng lãnh thổ Đông Nam Á xâm lược, hay lui tới các địa điểm dinh điền*” (35); “*Tính đến ngày Song Thất (7.7.1959) đã có tới 139 cuộc viếng thăm*” (36).

Quốc sách dồn dân vào các dinh điền của chính quyền Ngô Đình Diệm, đã dẫn chúng vào một cuộc khủng hoảng chính trị mới sau quốc sách “*tố Cộng*”. Cuộc di dân đó đã tàn phá xóm làng, ngang nhiên chà đạp lên quyền lợi đất đai, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc, làm ly tán biết bao gia đình, gây lòng căm phẫn trong nhân dân. Đó là nguyên nhân làm bùng nổ những cuộc đấu tranh chống di dân, chống chiếm đất lập dinh điền ở miền Nam.

Đối phó lại âm mưu dồn dân, chiếm đất lập dinh điền của địch, đầu năm 1957 Xứ ủy Nam Bộ đã chỉ đạo các địa phương quyết tâm "*đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, cương quyết bám đất, bám làng, không chịu vào các khu tập trung của địch*" (37).

Ở miền núi, Tây Nguyên, đồng bào các dân tộc sử dụng biện pháp "*chạy làng*" để chống lại chính sách dinh điền của chính quyền Ngô Đình Diệm. Cả làng không chịu đi đến địa điểm chính quyền chỉ định mà đi vào sâu trong rừng núi, tìm chỗ định cư mới. Các nơi đã tổ chức hàng trăm đoàn người, kéo lên quận, tỉnh kêu kiện, đòi trả đất. Có nơi, hàng ngàn người mang cọc, căng dây giữ phạm vi đất đai của mình. Địch đưa xe cày ủi đến, hàng trăm người kết thành một khối cản đầu xe địch. Âm mưu, thủ đoạn dồn dân, lập dinh điền của địch đã thất bại từng bước. Chúng phải hạn chế dồn dân, lập dinh điền ở những nơi hoang hóa.

Đồng bào ở đồng bằng bị "*xúc*" đi dinh điền đấu tranh bằng nhiều cách như, biểu tình phản đối đi dinh điền, đưa khẩu hiệu "*thà chết ở làng, không đi phu dinh điền*"; trong buổi "*bình nghị*" nhân dân cùng nhau

"*chất vấn*" (như ở Quảng Trị) "*chúng tôi nộp đủ sưu thuế, sao lại phải đi di dân?*" (38) làm cho chúng lúng túng; có khi trẻ em, phụ nữ xông ra đường nằm cản xe chở phu lên dinh điền... Phần đông quần chúng bị dồn ép, cưỡng bức vào các khu dinh điền, không chịu nổi cuộc sống ở vùng xa xôi hẻo lánh, bị bọn cai quản o ép, bóc lột kinh tế, kỳ thị tôn giáo, truy bức tinh thần căng thẳng, ốm đau bệnh tật hoành hành... tình trạng rất bi thảm: "*Mùng mền rách hết, ốm đau luôn, thiếu phương tiện mưu sinh...*" (39). Chính vì vậy, phong trào trốn khỏi các dinh điền lan rộng. Cuối năm 1958, Phủ Tổng ủy dinh điền phản ánh, "*số người bỏ trốn các dinh điền ngày một tăng*" (40). Chính quyền Ngô Đình Diệm cũng công khai thừa nhận những năm 1957, 1958 việc lập dinh điền "*ô ạt quá*", "*thiếu chuẩn bị*"... Để "*cứu nguy*" cho chính sách dinh điền, Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành chính sách khác: "*Khu trừ mật*" (1959), "*áp chiến lược*" (1961). Điều này có nghĩa, chính sách dinh điền từng bước đi vào thất bại. Sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm đổ (11-1963), Phủ Tổng ủy dinh điền cũng bị bãi bỏ (12-11-1963), thay vào đó là Phủ Tổng ủy tân sinh nông thôn (41).

## CHÚ THÍCH

(1). Ban Tuyên giáo tỉnh ủy Đắk Lắk, Phòng Nghiên cứu Lịch sử Đảng (1954), *Dự án kế hoạch tác chiến tại miền thượng du*, kí hiệu tài liệu, 15/DI số 15.

(2). Trần Văn Giàu, Tổng tập, Phần II, Tập I, "*Miền Nam giữ vững thành đồng*", Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2006, tr. 846.

(3). Việt Nam Cộng hòa (1956), *Công văn số 3455-ĐTCC/TVP, ngày 16-10-1956*. TTLT Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-9978.

(4). Bùi Văn Lương, *Cuốn sách "Công cuộc dinh điền tại Việt Nam"*. TTLT Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-11589, tr. 8.

(5). Việt Nam Cộng hòa (1956), *Những địa điểm đã được lựa chọn để khai thác tại vùng Cao Nguyên Trung Phần 1956*. TTLT Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-10853.

(6), (7), (17), (26). Bùi Văn Lương, sdd, tr. 7, 14, 6, 8.

(8). Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (1989), *Khu 5, 30 năm chiến tranh giải phóng, Tập II, Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1968)*, tr. 35.

(9), (20), (25), (28), (30), (31), (32), (35). Trần Văn Giàu: sdd, tr. 852, 852, 852, 850, 850, 851, 851, 853.

(10). Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (1957), *Sắc lệnh số 103-TTP, ngày 23-4-1957*. TTLT Quốc gia II, Kí hiệu tài liệu Đệ I CH-21328.

(11). Tổng thống Việt Nam Cộng hòa (1957), *Sắc lệnh số 104 TTP, ngày 23-4-1957*. TTLT Quốc gia II, Kí hiệu tài liệu Đệ I CH-19871.

(12). Trần Bá Đệ (Chủ biên), Lê Cung, *Giáo trình Lịch sử Việt Nam, Tập VII (từ 1954 đến 1975)*. Nxb. Đại học Sư Phạm, Hà Nội, 2007, tr. 68.

(13). Theo Nghị định 691-TTP/VP, ngày 23-4-1957, gọi là "Trung tâm". Sau đó, theo Nghị định 1502-TTP/VP, ngày 25-9-1957 hủy bỏ danh từ "Trung tâm", thay thế bằng danh từ "Vùng dinh điền"

(14). Việt Nam Cộng hòa (1957), *Nghị định số 691-TTP/VP, ngày 23-4-1957*. TTLT Quốc gia II, Kí hiệu tài liệu Đệ I CH-21328.

(15). Ngày 24-10-1956, chính quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh số 147-a/NV, chia Trung phần thành hai miền: Cao nguyên và Trung nguyên. Lãnh thổ Cao nguyên Trung phần là lãnh thổ của Cao nguyên miền Nam cũ. Lãnh thổ Trung nguyên Trung phần là lãnh thổ của Trung Việt cũ (Điều thứ nhất). TTLT Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-860.

(16). Việt Nam Cộng hòa (1958), *Phiếu trình số 4191-/ĐĐ/VP/BT, v/v tình hình công giáo và các linh mục lãnh đạo tinh thần các địa điểm dinh điền*. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH- 11714.

(18). Việt Nam Cộng hòa (1959), *Thành tích của Phủ Tổng ủy dinh điền đến ngày Song Thất 7-7-1959*. TTLT Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-12592.

(19). Việt Nam Cộng hòa (1963), *Phiếu gửi số 368-ĐĐ/VP/2, ngày 27-2-1963 của Phủ Tổng ủy dinh điền và nông vụ, Địa điểm dinh điền toàn quốc*, TTLT Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-15874.

(21). Việt Nam Cộng hòa (1961), *Phiếu trình số 2021-ĐĐ/VP(AN)M, Phủ tổng ủy dinh điền*. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-14365.

(22). Việt Nam Cộng hòa (1958), *Biên bản Phiên họp tại phòng Khánh tiết Bộ Nội vụ, ngày 3-11-1958*. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-5410.

(23). Việt Nam Cộng hòa (1961), *Phiếu trình số 2021-ĐĐ/VP(AN)M, ngày 11-12-1961, v/v đề nghị tổ chức lực lượng bảo vệ an ninh dinh điền*. Trung tâm lưu trữ Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-14365.

(24). Viện Lịch sử Đảng, Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Trung Bộ, *Nam Trung Bộ kháng chiến (1945-1975)*. Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992, tr. 255.

(27). Cao Văn Lương, Phạm Quang Toàn, Quỳnh Cư, *Tìm hiểu phong trào đồng khởi miền Nam Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr.21.

(29), (34). Lê Cung, *Phong trào Phát giáo miền Nam Việt Nam năm 1963*. Nxb. Thuận Hóa Huế, 2003, tr. 70, 69-70.

(33). Việt Nam Cộng hòa (1959), *Thành tích của Phủ Tổng-ủy dinh điền đến ngày Song Thất 7.7.59*. TTLT Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-12592, tr. 2.

(36). Việt Nam Cộng hòa (1959), *Bản thành tích của Phủ Tổng ủy dinh điền đến ngày song thất 7.7.1959*. TTLT Quốc gia. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-12592.

(37). Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử biên niên xứ ủy Nam Bộ - Trung ương cục miền Nam*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr. 138.

(38). Việt Nam Cộng hòa (1959), *Thuyết trình của kỹ sư Đoàn Văn Sáo, Giám đốc Nha di dân và định cư*. TTLT Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-12596.

(39). Việt Nam Cộng hòa (1958), *Công văn số 39-YT*. TTLT Quốc gia II. Kí hiệu tài liệu, Đệ I CH-11714.

(40). Việt Nam Cộng hòa (1958), *Công văn số 307/ĐĐ/DI/M, ngày 7-6-1958*. TTLT Quốc gia II, Kí hiệu tài liệu Đệ I CH-11714.

(41). Việt Nam Cộng hòa (1963), *Sắc lệnh số 9-TTP, ngày 12-11-1963*. TTLT Quốc gia II, Kí hiệu tài liệu CBVNCH-J.427.